TỪ VẬT LIỆU ĐẾN NGÔN NGỮ TẠO HÌNH: VAI TRÒ CỦA ĐA CHẤT LIỆU TRONG SÁNG TẠO MỸ THUẬT

ĐỖ ĐÌNH TUYẾN
Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

Nhận bài ngày 03/9/2026. Sửa chữa xong 05/10/2026. Duyệt đăng 19/10/2026.

Abstract

Mixed-media practice expands the visual language and expressive potential of contemporary art. By combining materials with different physical properties, surface textures, origins, and cultural meanings, artists create new visual effects and expressive relationships among materiality, form, and content. Drawing on theories of artistic materiality, material culture studies, and haptic visuality, this article employs case-study analysis to examine the role of materials in creative practice. Through an analysis of expression, texture, colour, form, space, and composition, it argues that the effectiveness of mixed-media art depends not on the number of materials used but on how their relationships are organised. The findings conceptualise mixed-media practice as a process of constructing visual language and emphasise the importance of experimentation, technical knowledge, and environmental awareness in contemporary artistic creation.

Keywords: *Contemporary art, materiality, mixed media, surface texture, visual language.*

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình phát triển của mỹ thuật hiện đại và đương đại, quan niệm về chất liệu đã có những chuyển biến đáng kể. Nếu trong nhiều phương thức sáng tác truyền thống, chất liệu thường gắn với những hệ kỹ thuật tương đối ổn định như sơn dầu, sơn mài, lụa, điêu khắc gỗ hoặc đá, thì trong thực hành nghệ thuật đương đại, phạm vi vật liệu ngày càng được mở rộng, bao gồm vật liệu công nghiệp, đồ vật có sẵn, vật liệu tái chế và các thành phần thuộc đời sống thường nhật. Sự thay đổi này không chỉ làm phong phú phương tiện sáng tác mà còn đặt ra những vấn đề mới về mối quan hệ giữa vật liệu, hình thức và ý nghĩa nghệ thuật.

Từ góc độ nghiên cứu văn hóa vật chất, đồ vật không chỉ được nhận diện thông qua công năng sử dụng mà còn gắn với những quan hệ xã hội, lịch sử và văn hóa. Brown (2001), thông qua khái niệm "Lý thuyết vật thể", gợi mở cách xem xét đồ vật trong mối quan hệ với sự biến đổi của nhận thức và trải nghiệm con người. Vận dụng cách tiếp cận này vào nghiên cứu mỹ thuật, có thể nhận thấy rằng vật liệu khi được đưa vào tác phẩm không nhất thiết giữ nguyên ý nghĩa ban đầu mà có thể được tái diễn giải thông qua quá trình lựa chọn, xử lý và tổ chức tạo hình.

Kết hợp đa chất liệu là một phương thức thể hiện rõ khả năng chuyển hóa đó. Việc đặt các vật liệu có đặc tính khác nhau trong cùng một chỉnh thể tạo điều kiện khai thác sự tương phản giữa cứng và mềm, nhẵn và sần, trong suốt và đục, tự nhiên và nhân tạo. Đồng thời, nguồn gốc và dấu vết sử dụng của vật liệu có thể gợi mở những liên tưởng về ký ức, môi trường, tiêu dùng và biến đổi văn hóa. Trong trường hợp này, vật liệu không chỉ là phương tiện kỹ thuật mà còn tham gia vào quá trình hình thành ngôn ngữ biểu đạt của tác phẩm.

Tuy nhiên, việc sử dụng nhiều loại vật liệu không mặc nhiên tạo ra giá trị nghệ thuật. Nếu các thành phần không được tổ chức theo một định hướng tạo hình và ý niệm rõ ràng, tác phẩm có thể trở nên rời rạc, thiếu sự thống nhất hoặc chỉ dừng lại ở hiệu quả trang trí. Vì vậy, vấn đề đặt ra không đơn thuần là

Email: dodinhtuyen@uad.edu.vn

lựa chọn những vật liệu mới lạ mà là xác lập phương thức kết hợp phù hợp với ý tưởng sáng tác, đặc tính vật liệu và yêu cầu thẩm mỹ.

Từ thực tiễn đó, bài viết tập trung nghiên cứu ba vấn đề: khả năng biểu đạt của sự kết hợp đa chất liệu; vai trò của chất cảm trong việc mở rộng trải nghiệm thẩm mỹ; và đặc trưng tổ chức màu sắc, hình khối, không gian, bố cục trong tác phẩm đa chất liệu. Trên cơ sở đó, bài viết làm rõ vai trò của tư duy thử nghiệm trong việc chuyển hóa vật liệu thành ngôn ngữ nghệ thuật và đề xuất một số định hướng cho thực hành sáng tạo mỹ thuật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận liên ngành, kết hợp nghiên cứu tính vật chất của nghệ thuật, văn hóa vật chất và trải nghiệm cảm giác trong tiếp nhận tác phẩm. Trước hết, cách tiếp cận về tính vật chất (materiality) cho phép xem xét vật liệu không chỉ như nền tảng vật lý của tác phẩm mà còn là thành tố tham gia hình thành ý nghĩa. Trong Surface: Matters of Aesthetics, Materiality, and Media, Bruno (2014) nhấn mạnh vai trò của bề mặt và các quan hệ vật chất trong việc kiến tạo trải nghiệm thẩm mỹ. Từ đó, bề mặt của tác phẩm đa chất liệu được xem xét như không gian tương tác giữa cấu trúc vật liệu, ánh sáng, thao tác tạo hình và cảm nhận của người xem. Bên cạnh đó, nghiên cứu văn hóa vật chất cung cấp cơ sở phân tích mối quan hệ giữa vật liệu, đồ vật và bối cảnh xã hội. Brown (2001) cho thấy việc nghiên cứu đồ vật không chỉ giới hạn ở chức năng hay hình thức mà còn mở rộng đến những biến đổi trong quan hệ giữa con người và thế giới vật chất. Trong sáng tạo mỹ thuật, vật liệu đã qua sử dụng có thể lưu giữ dấu vết của đời sống trước khi được chuyển hóa thành thành phần của tác phẩm; ý nghĩa của chúng được hình thành thông qua sự tương tác giữa nguồn gốc vật liệu, bối cảnh sáng tác và cách thức tổ chức tạo hình. Đồng thời, khái niệm haptic visuality của Marks (2000), dù được phát triển trong nghiên cứu điện ảnh liên văn hóa, có thể được vận dụng thận trọng để phân tích mối quan hệ giữa thị giác và cảm nhận cơ thể, qua đó lý giải cách hình ảnh và bề mặt gợi ra cảm giác về độ nhám, độ mềm, chiều sâu hoặc sự gần gũi vật chất ngay cả khi người xem không trực tiếp tiếp xúc với tác phẩm. Trên cơ sở ba hướng tiếp cận này, bài viết xác lập khung phân tích gồm bốn phương diện: đặc tính vật lý và nguồn gốc vật liệu; chất cảm và trải nghiệm thẩm mỹ; tổ chức các yếu tố tạo hình; và mối quan hệ giữa vật liệu với ý nghĩa tác phẩm. Khung phân tích được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu nhằm làm rõ vai trò của đa chất liệu trong việc hình thành ngôn ngữ tạo hình và giá trị biểu đạt của tác phẩm mỹ thuật.

Về phương pháp nghiên cứu, bàiviết sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết nhằm hệ thống hóa các quan niệm liên quan đến tính vật chất, văn hóa vật chất và trải nghiệm thị giác xúc giác. Phương pháp này giúp xác lập cơ sở phân tích mối quan hệ giữa đặc tính vật liệu, cấu trúc tạo hình và ý nghĩa nghệ thuật. Phương pháp phân tích trường hợp được sử dụng để xem xét cách thức vật liệu truyền thống và vật liệu đời sống được lựa chọn, tổ chức và chuyển hóa trong những bối cảnh sáng tạo cụ thể. Việc lựa chọn trường hợp nghiên cứu dựa trên khả năng cung cấp tư liệu về nguồn gốc vật liệu, phương thức sử dụng và mối quan hệ giữa vật liệu với ý tưởng nghệ thuật. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích hình thức được vận dụng để nhận diện các quan hệ về màu sắc, kết cấu bề mặt, hình khối, không gian và bố cục. Phân tích hình thức được kết hợp với phân tích bối cảnh nhằm tránh việc chỉ mô tả đặc điểm thị giác mà bỏ qua ý nghĩa văn hóa và chức năng biểu đạt của vật liệu.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Về sự kết hợp đa chất liệu và khả năng kiến tạo ý nghĩa nghệ thuật

Đặc trưng quan trọng của nghệ thuật đa chất liệu là khả năng tổ chức những thành phần vật chất khác nhau thành một chỉnh thể biểu đạt. Mỗi vật liệu có những thuộc tính riêng về màu sắc, kết cấu, trọng lượng, độ bền và khả năng tạo hình. Khi được đặt trong một quan hệ mới, những thuộc tính này có thể làm thay đổi cách người xem nhận diện và diễn giải vật liệu. Chẳng hạn, sự kết hợp giữa gỗ và nhựa công nghiệp có thể tạo ra tương phản giữa bề mặt tự nhiên và bề mặt nhân tạo, giữa dấu vết gia công thủ công và đặc điểm của sản xuất công nghiệp. Tương tự, việc kết hợp kim loại gỉ với vải có thể

tạo ra đối lập giữa cứng và mềm, lạnh và ấm, bền chắc và dễ biến đổi. Tuy nhiên, những tương phản này chỉ trở thành ngôn ngữ biểu đạt khi được tổ chức phù hợp với cấu trúc và chủ đề của tác phẩm.

Theo hướng tiếp cận văn hóa vật chất, nguồn gốc và lịch sử sử dụng của vật liệu cũng là những yếu tố quan trọng. Một vật dụng bị loại bỏ không chỉ còn lại hình dạng vật lý mà có thể mang theo dấu vết của quá trình sử dụng, sự hao mòn và những quan hệ xã hội đã hình thành quanh nó. Khi được đưa vào tác phẩm, vật liệu có thể được tái định vị từ đối tượng có công năng thành thành phần của một cấu trúc nghệ thuật mới. Quá trình này tạo ra sự thay đổi về chức năng và mở ra khả năng diễn giải khác đối với đồ vật (Brown, 2001).

Vật liệu tái chế là một trường hợp tiêu biểu cho khả năng chuyển hóa đó. Những mảnh kim loại, nhựa, giấy hoặc vải đã qua sử dụng có thể được tổ chức thành hình khối, bề mặt hoặc cấu trúc không gian. Trong trường hợp tác phẩm hướng đến vấn đề môi trường, nguồn gốc của vật liệu có thể góp phần làm rõ chủ đề tiêu dùng và chất thải. Nếu tác phẩm hướng đến ký ức cá nhân hoặc cộng đồng, những dấu vết sử dụng có thể trở thành phương tiện gợi nhắc trải nghiệm và lịch sử đời sống.

Tuy vậy, không nên đồng nhất vật liệu tái chế với thông điệp bảo vệ môi trường trong mọi trường hợp. Ý nghĩa của vật liệu cần được xác định dựa trên cách thức sử dụng và bối cảnh cụ thể. Một vật liệu phế thải có thể được sử dụng vì đặc tính hình thức, khả năng tạo khối hoặc giá trị biểu tượng, chứ không nhất thiết mang nội dung môi trường. Vì thế, phân tích tác phẩm đa chất liệu cần kết hợp việc nhận diện đặc tính vật liệu với việc xem xét ý đồ nghệ thuật và ngữ cảnh tiếp nhận.

Từ góc độ sáng tạo, sự kết hợp đa chất liệu mở ra khả năng xây dựng những tầng nghĩa khác nhau trong cùng một tác phẩm. Các vật liệu có thể bổ sung, tương phản hoặc làm biến đổi ý nghĩa của nhau. Giá trị biểu đạt vì thế không nằm riêng trong từng thành phần mà được hình thành từ quan hệ giữa các thành phần trong tổng thể.

2.2.2. Nghiên cứu trường hợp: Vật liệu và sáng tạo đương đại từ thực hành nghệ thuật gắn với làng nghề Phú Xuyên

Tại triển lãm *Sáng tạo trẻ trên chất liệu các làng nghề Phú Xuyên*, khai mạc ngày 14/01/2025 tại Bảo tàng Hà Nội, là một trường hợp thực tiễn có thể tham khảo khi nghiên cứu mối quan hệ giữa vật liệu, di sản nghề thủ công và sáng tạo mỹ thuật ứng dụng. Theo thông tin công bố của Bảo tàng Hà Nội, triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu và thiết kế sáng tạo của sinh viên năm thứ ba, năm thứ tư thuộc các ngành sơn mài, thiết kế đồ họa, thiết kế thời trang và thiết kế nội thất. Chương trình hướng đến việc ứng dụng chất liệu làng nghề truyền thống trong phát triển mỹ thuật ứng dụng, đồng thời góp phần bảo tồn và quảng bá giá trị nghề thủ công (Bảo tàng Hà Nội, 2025).

Trường hợp này không nên được mặc nhiên xem là một ví dụ thuần túy về nghệ thuật đa chất liệu theo nghĩa kết hợp nhiều vật liệu trong cùng một tác phẩm. Giá trị nghiên cứu của triển lãm nằm ở việc cho thấy vật liệu truyền thống có thể trở thành nguồn lực sáng tạo khi được đặt trong những bối cảnh đào tạo và thiết kế mới.

Trước hết, vật liệu làng nghề không chỉ mang đặc tính kỹ thuật mà còn gắn với tri thức chế tác, lịch sử địa phương và kinh nghiệm thẩm mỹ được tích lũy qua nhiều thế hệ. Khi sinh viên tiếp cận vật liệu thông qua hoạt động nghiên cứu và thiết kế, quá trình sáng tạo không chỉ bao gồm việc lựa chọn hình thức mà còn đòi hỏi nhận diện đặc trưng của vật liệu, hiểu biết về quy trình sản xuất và khả năng chuyển hóa giá trị truyền thống vào sản phẩm đương đại.

Thứ hai, sự kết nối giữa vật liệu truyền thống và các ngành đào tạo khác nhau cho thấy một hướng mở rộng của tư duy tạo hình. Cùng một nguồn cảm hứng từ làng nghề có thể được diễn giải bằng nhiều phương thức khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu của ngành học, công năng của sản phẩm và yêu cầu thẩm mỹ. Điều này cho thấy khả năng sáng tạo không chỉ đến từ việc tìm kiếm vật liệu mới mà còn từ cách tái tổ chức tri thức và kỹ thuật đã có.

Thứ ba, trường hợp triển lãm gợi mở vai trò của môi trường đào tạo trong phát triển tư duy vật liệu.

Khi sinh viên được tiếp cận với làng nghề, nghệ nhân và quy trình chế tác, vật liệu không còn chỉ được nhận biết qua hình ảnh hoặc mô tả mà có thể được hiểu trong mối quan hệ với thao tác, công cụ và điều kiện sản xuất thực tế. Đây là cơ sở thuận lợi để hình thành phương pháp sáng tạo dựa trên hiểu biết vật liệu thay vì chỉ lựa chọn vật liệu theo hiệu quả thị giác.

Từ góc độ nghiên cứu đa chất liệu, trường hợp này gợi ra một hướng triển khai tiếp theo: khảo sát những sản phẩm cụ thể để xác định liệu chúng có kết hợp nhiều loại vật liệu, kỹ thuật hoặc phương thức xử lý bề mặt hay không. Nếu có đủ tư liệu hình ảnh, hồ sơ thiết kế và thông tin về quá trình thực hiện, có thể phân tích sâu hơn mối quan hệ giữa vật liệu truyền thống với vật liệu hiện đại, giữa kỹ thuật thủ công với công nghệ sản xuất, cũng như những thay đổi về màu sắc, chất cảm và cấu trúc tạo hình.

Do đó, trường hợp Phú Xuyên được sử dụng trong bài viết như một tư liệu thực tiễn về sáng tạo dựa trên vật liệu và di sản nghề thủ công, không phải bằng chứng trực tiếp để khẳng định hiệu quả của một kỹ thuật đa chất liệu cụ thể. Việc phân tích các tác phẩm riêng lẻ sẽ là bước cần thiết để kiểm chứng và phát triển nhận định này.

2.2.3. Chất cảm và trải nghiệm thị giác, xúc giác trong nghệ thuật đa chất liệu

Chất cảm bề mặt là một thành tố quan trọng trong ngôn ngữ tạo hình. Những đặc điểm như nhẵn, sần, thô ráp, mềm mại, bóng, mờ, trong suốt hoặc đục vừa phản ánh thuộc tính vật chất vừa góp phần hình thành cảm nhận thẩm mỹ. Trong tác phẩm đa chất liệu, sự kết hợp giữa các bề mặt khác nhau tạo ra những quan hệ thị giác có khả năng gợi mở trải nghiệm xúc giác. Marks (2000) phát triển khái niệm *thị giác mang tính xúc giác* để giải thích cách hình ảnh có thể gợi ra cảm nhận mang tính xúc giác và kinh nghiệm cơ thể. Khi vận dụng vào nghiên cứu mỹ thuật, khái niệm này cần được hiểu như một hướng phân tích về trải nghiệm cảm giác, không phải bằng chứng rằng người xem thực sự có thể cảm nhận đầy đủ mọi đặc tính vật lý của vật liệu chỉ bằng thị giác. Chẳng hạn, khi một bề mặt kim loại gồ ghề được đặt cạnh vải mềm hoặc giấy có cấu trúc sợi rõ rệt, sự khác biệt về độ phản chiếu ánh sáng, đường viền và kết cấu có thể tạo ra cảm giác tương phản. Nếu vật liệu được tạo lớp, uốn cong hoặc sắp xếp theo độ nổi khác nhau, bóng đổ và sự biến đổi của ánh sáng tiếp tục làm tăng cảm nhận về chiều sâu vật chất.

Bruno (2014) cũng nhấn mạnh vai trò của bề mặt trong việc tạo lập các quan hệ giữa vật chất và trải nghiệm thẩm mỹ. Từ góc nhìn này, bề mặt không chỉ là nơi chứa màu sắc hay hình ảnh mà còn là một vùng tương tác giữa vật liệu, ánh sáng, không gian và người xem. Đối với nghệ thuật đa chất liệu, điều đó cho phép xem xét chất cảm như một yếu tố cấu trúc, góp phần tổ chức cách nhìn và định hướng trải nghiệm tác phẩm. Chất cảm còn có thể mang ý nghĩa biểu tượng. Bề mặt gỉ sét có thể gợi liên tưởng đến sự hao mòn; giấy cũ có thể gợi ký ức hoặc dấu vết thời gian; vải bị rách có thể gợi sự mong manh hoặc đứt gãy. Tuy nhiên, những ý nghĩa này không phải thuộc tính cố định của vật liệu. Chúng phụ thuộc vào ngữ cảnh, cách xử lý và mối quan hệ với các thành phần khác trong tác phẩm.

Vì vậy, hiệu quả chất cảm không nên được đánh giá đơn thuần bằng độ phức tạp của bề mặt. Sự tương phản chỉ có ý nghĩa khi hỗ trợ cấu trúc tạo hình và ý tưởng nghệ thuật. Việc sử dụng quá nhiều vật liệu có thể làm phân tán sự chú ý nếu các thành phần không được tổ chức thành một chỉnh thể có chủ đích.

2.2.4. Đặc trưng tạo hình trong sự kết hợp đa chất liệu

Màu sắc trong tác phẩm đa chất liệu được hình thành từ màu vốn có của vật liệu và màu sắc do nghệ sĩ tạo ra thông qua các phương pháp xử lý bề mặt. Màu nâu của gỗ, sắc gỉ của kim loại, màu ngả vàng của giấy cũ hoặc màu sắc của vải có thể được giữ lại nhằm bảo tồn dấu vết vật chất và tạo ra những tương quan thị giác mang tính tự nhiên. Ngược lại, việc sử dụng sơn, màu nhuộm hoặc các kỹ thuật xử lý bề mặt cho phép nghệ sĩ điều chỉnh sắc độ, tạo điểm nhấn hoặc liên kết các vật liệu khác nhau. Một hệ màu chủ đạo có thể giúp thống nhất những thành phần rời rạc; sự tương phản giữa màu sắc tự nhiên và màu nhân tạo có thể làm nổi bật khác biệt về nguồn gốc hoặc tính chất của vật liệu. Tuy nhiên, màu sắc không thể được phân tích tách rời khỏi kết cấu bề mặt. Cùng một sắc độ có thể tạo ra hiệu quả khác nhau trên bề mặt nhẵn bóng, thô ráp, trong suốt hoặc thấm hút. Vì vậy, tổ chức màu sắc

trong nghệ thuật đa chất liệu cần xem xét đồng thời sắc độ, chất cảm, khả năng phản chiếu ánh sáng và vị trí của vật liệu trong tổng thể.

Tiếp đến là sự chuyển tiếp giữa không gian hai chiều và ba chiều, sự kết hợp đa chất liệu cho phép mở rộng tác phẩm từ mặt phẳng sang không gian ba chiều. Trong tranh ghép hoặc phù điêu, việc đính kết, xếp lớp và tạo độ nổi cho vật liệu làm thay đổi mối quan hệ giữa hình ảnh và bề mặt. Chiều sâu lúc này không chỉ được mô phỏng bằng phối cảnh mà còn được tạo ra từ cấu trúc vật chất thực của tác phẩm. Trong điêu khắc và sắp đặt, sự kết hợp giữa khối đặc và khối rỗng tạo ra những quan hệ giữa vật thể, ánh sáng và không gian xung quanh. Các thanh kim loại, khung gỗ hoặc những thành phần dạng lưới có thể tạo nên cấu trúc mở; những vật liệu có tính liên tục có thể tạo thành khối đặc và tăng cảm giác về trọng lượng.

Đặc tính vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tạo hình. Các tấm gỗ, kim loại hoặc nhựa thường phù hợp với việc tạo hình có cấu trúc; vải, sợi và dây có thể được uốn, xoắn hoặc bện để tạo những đường nét linh hoạt. Khi kết hợp, chúng có thể tạo ra tương phản giữa tính ổn định và tính mềm dẻo, giữa cấu trúc hình học và hình thái hữu cơ. Bên cạnh hiệu quả thẩm mỹ, việc tổ chức không gian còn cần tính đến khả năng chịu lực, độ bền của mối liên kết và sự thay đổi của vật liệu dưới tác động môi trường. Những yêu cầu này cho thấy tư duy tạo hình cần được kết hợp với hiểu biết kỹ thuật để bảo đảm tính ổn định của tác phẩm.

Bên cạnh đó còn có bố cục và sự thống nhất củ tác phẩm, trong đó, bố cục trong nghệ thuật đa chất liệu là quá trình tổ chức những thành phần khác nhau về màu sắc, kích thước, kết cấu và trọng lượng thị giác thành một chỉnh thể. Sự tương phản giữa các vật liệu có thể tạo điểm nhấn, trong khi sự lặp lại về hình dạng, màu sắc hoặc phương thức xử lý giúp thiết lập nhịp điệu.

Cân bằng đối xứng có thể tạo cảm giác ổn định và trật tự; cân bằng bất đối xứng cho phép nghệ sĩ tổ chức những thành phần có đặc tính khác nhau trong một cấu trúc linh hoạt hơn. Một mảng lớn, tối màu có thể được cân bằng bởi nhiều thành phần nhỏ, sáng màu hoặc bởi một cấu trúc có hướng chuyển động phù hợp. Điều quan trọng là mối quan hệ giữa các thành phần chứ không phải sự đồng đều về kích thước hoặc số lượng.

Tính thống nhất có thể được tạo ra thông qua một hệ màu chủ đạo, sự lặp lại của hình dạng hoặc một phương thức liên kết xuyên suốt. Sự thống nhất không có nghĩa là xóa bỏ đặc tính riêng của từng vật liệu mà là tổ chức những khác biệt đó theo một định hướng biểu đạt chung.

Từ góc độ này, bố cục không chỉ là thao tác sắp xếp các thành phần mà còn là phương thức điều phối những đặc tính vật chất và giá trị biểu đạt. Hiệu quả của tác phẩm phụ thuộc vào khả năng cân bằng giữa tương phản và thống nhất, giữa nhịp điệu và điểm nhấn, giữa cấu trúc và khoảng trống.

Ngoài ra, còn có sự kết hợp đa chất liệ và đổi mới tư duy sáng tạo, ở đây sự kết hợp đa chất liệu tác động đến quá trình sáng tạo không chỉ ở phương diện kỹ thuật mà còn ở cách hình thành ý tưởng. Trong một số trường hợp, nghệ sĩ lựa chọn vật liệu sau khi đã xác lập chủ đề và cấu trúc tác phẩm. Trong những trường hợp khác, chính đặc tính của vật liệu có thể gợi mở ý tưởng hoặc làm thay đổi hướng phát triển của tác phẩm.

Một bề mặt bất thường, khả năng liên kết ngoài dự kiến hoặc sự tương tác giữa những vật liệu khác nhau có thể dẫn đến những giải pháp tạo hình mới. Khi đó, sáng tạo là quá trình tương tác giữa chủ đích của nghệ sĩ và khả năng vật chất của đối tượng. Vật liệu không hoàn toàn bị chi phối bởi ý tưởng có sẵn mà tham gia vào việc định hình phương thức biểu đạt.

Quá trình này đòi hỏi tư duy thử nghiệm. Nghệ sĩ cần khảo sát khả năng cắt, ghép, uốn, tạo lớp, xử lý bề mặt và liên kết các thành phần. Sự khác biệt về trọng lượng, độ đàn hồi, khả năng thấm hút và độ bền có thể tạo ra những vấn đề kỹ thuật cần được giải quyết. Vì vậy, thử nghiệm không chỉ nhằm tìm kiếm hiệu quả thị giác mà còn giúp hình thành hiểu biết thực tiễn về vật liệu. Bên cạnh đó, kết hợp đa chất liệu mở ra khả năng giao thoa giữa hội họa, điêu khắc, thiết kế và sắp đặt. Những tác phẩm kết

hợp nhiều phương thức xử lý có thể mở rộng giới hạn của một loại hình nghệ thuật, tạo điều kiện cho nghệ sĩ xây dựng ngôn ngữ biểu đạt phù hợp với các chủ đề phức hợp.

Tuy nhiên, tính mới không nên chỉ được xác định bằng việc sử dụng vật liệu lạ hoặc kỹ thuật khác thường. Sự đổi mới có ý nghĩa khi góp phần giải quyết một vấn đề tạo hình, làm rõ ý tưởng hoặc mở ra cách thức tiếp nhận mới. Dấu ấn cá nhân vì thế được hình thành từ sự nhất quán trong tư duy, cách lựa chọn vật liệu và phương pháp tổ chức tác phẩm. Ngoài ra, việc sử dụng vật liệu cần gắn với ý thức về môi trường và an toàn. Đối với vật liệu tái chế, cần xem xét nguồn gốc, khả năng tái sử dụng, nguy cơ phát tán chất độc hại và phương thức xử lý sau khi tác phẩm kết thúc vòng đời. Những yếu tố này không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn liên quan đến trách nhiệm của nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo.

3. Kết luận

Kết hợp đa chất liệu là một phương thức sáng tạo có khả năng mở rộng ngôn ngữ tạo hình và tăng cường tính đa dạng trong biểu đạt nghệ thuật. Thông qua sự tương tác giữa các vật liệu có đặc tính vật lý, kết cấu và ý nghĩa văn hóa khác nhau, nghệ sĩ có thể xây dựng những cấu trúc biểu đạt mới, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận các vấn đề về đời sống, ký ức, môi trường và văn hóa đương đại.

Nghiên cứu cho thấy hiệu quả của nghệ thuật đa chất liệu được hình thành từ mối quan hệ giữa đặc tính vật liệu, chất cảm, tổ chức các yếu tố tạo hình và ý nghĩa của tác phẩm. Các phương diện này có quan hệ tương hỗ, góp phần tạo nên một chỉnh thể thống nhất. Vì vậy, giá trị nghệ thuật không phụ thuộc đơn thuần vào số lượng vật liệu mà nằm ở cách thức lựa chọn, xử lý và tổ chức chúng theo định hướng sáng tác.

Trường hợp triển lãm *Sáng tạo trẻ trên chất liệu các làng nghề Phú Xuyên* cho thấy vật liệu truyền thống có thể trở thành nguồn lực sáng tạo khi được tiếp cận trong môi trường đào tạo và thiết kế đương đại. Mặc dù trường hợp này chưa đủ để chứng minh hiệu quả của một kỹ thuật đa chất liệu cụ thể, nó gợi mở khả năng tiếp tục nghiên cứu mối quan hệ giữa tri thức vật liệu, kỹ thuật thủ công và đổi mới ngôn ngữ tạo hình.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng thực hành đa chất liệu cần được tiếp cận như một quá trình sáng tạo có chủ đích, kết hợp giữa tư duy thẩm mỹ, hiểu biết kỹ thuật và năng lực thử nghiệm. Trong nghiên cứu tiếp theo, việc bổ sung phân tích tác phẩm cụ thể, hồ sơ thực hành và kết quả thử nghiệm vật liệu sẽ giúp kiểm chứng sâu hơn các luận điểm về chất cảm, độ bền, tính tương thích và khả năng biểu đạt. Đây cũng là cơ sở để phát triển ứng dụng nghệ thuật đa chất liệu trong sáng tác, đào tạo mỹ thuật và các hoạt động nghệ thuật gắn với đời sống đương đại.

Tài liệu tham khảo

Bảo tàng Hà Nội (2025). *Triển lãm sáng tạo trẻ trên chất liệu các làng nghề Phú Xuyên*. https://baotanghanoi.com.vn/trien-lam-sang-tao-tre-tren-chat-lieu-cac-lang-nghe-phu-xuyen/?lang=vi. ngày 14/1/2026.

Brown, B. (2001). Thing theory. *Critical Inquiry, 28*(1), 1–22. https://doi.org/10.1086/449030.

Bruno, G. (2014). *Surface: Matters of aesthetics, materiality, and media*. University of Chicago Press. https://doi.org/10.7208/9780226114835.

Marks, L. U. (2000). *The skin of the film: Intercultural cinema, embodiment, and the senses*. Duke University Press.